

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán  
Hạng mục bổ sung: Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với  
Hệ thống kênh tưới Văn Phong**

**Dự án thành phần: Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong  
Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/6/2014; Quyết định số 4853/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung” vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Căn cứ Quyết định số 1860/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung”;

Căn cứ các Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 23/01/2015; Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng, dự án thành phần Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh tên dự án thành phần, bổ sung hạng mục, dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây

dựng, dự án thành phần Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, hạng mục bổ sung Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án thành phần Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung;

Theo Quyết định số 430/QĐ-SNN ngày 25/5/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp gói thầu Bình Định-08-XL: Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với hệ thống kênh tưới Văn Phong; dự án thành phần: Kênh N24, hệ thống kênh tưới Văn Phong; dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 57/TTr-SNN ngày 05/3/2020 và Báo cáo thẩm định số 436/SNN-QLXDCT ngày 05/3/2020,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán, hạng mục bổ sung Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án thành phần Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung, với các nội dung chính như sau:

**1. Tên hạng mục bổ sung:** Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với Hệ thống kênh tưới Văn Phong.

**2. Thuộc dự án:** Dự án thành phần Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung.

**3. Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán điều chỉnh, bổ sung:** Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung.

**4. Chủ nhiệm lập Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán điều chỉnh, bổ sung hạng mục:** Thạc sỹ Đỗ Cảnh Hào.

**5. Nội dung và lý do điều chỉnh, bổ sung:**

**5.1. Nội dung chính điều chỉnh, bổ sung:**

- Điều chỉnh, bổ sung chiều dài khắc phục sạt lở mái kênh chính dạng 2B (Sửa chữa sạt lở hoàn toàn tám lát mái kênh đã gia cố tám bê tông kích thước (100x100x10)cm và (100x100x12)cm), từ 3.303,73m thành 3.471,39m, tăng 167,66m, trong đó:

+ Điều chỉnh chiều dài khắc phục sạt lở mái kênh chính chiều dài từ 119,38m thành 123,60m tăng 4,22m.

+ Bổ sung chiều dài khắc phục sạt lở mái kênh chính 163,44m.

- Điều chỉnh chiều dài bê tông xi măng mặt bờ kênh chính B = 6m: Từ K17+942 đến K20+853, dài 2.911m thành từ K18+0,13m đến K20+853, dài 2.852,87m, giảm 58,13m.

- Các thông số kỹ thuật điều chỉnh, bổ sung:

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Đã phê duyệt tại Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 04/11/2019</b>	<b>Điều chỉnh, bổ sung</b>	<b>Tăng (+); Giảm (-)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh</b>		<b>119,38</b>	<b>123,60</b>	<b>4,22</b>	
<b>1</b>	<b>K17-K18</b>					
1.1	Đoạn Km17+500	m	10,78	14,00	3,22	Bờ tả
1.2	Đoạn Km17+885	m	10,78	12,00	1,22	Bờ tả
1.3	Đoạn Km17+890	m	10,78	6,00	-4,78	Bờ hữu
1.4	Đoạn Km17+900	m	10,78	12,00	1,22	Bờ tả
1.5	Đoạn Km17+970	m	11,18	13,50	2,32	Bờ hữu
<b>2</b>	<b>K18-K19</b>					
2.1	Đoạn Km18+160	m	11,18	10,20	-0,98	Bờ tả
2.2	Đoạn Km18+565	m	10,78	11,00	0,22	Bờ hữu
2.3	Đoạn Km18+580	m	10,78	9,00	-1,78	Bờ hữu
2.4	Đoạn Km18+740	m	10,78	10,20	-0,58	Bờ tả
2.5	Đoạn Km18+830	m	10,78	15,50	4,72	Bờ hữu
2.6	Đoạn Km18+880	m	10,78	10,20	-0,58	Bờ tả
<b>II</b>	<b>Bổ sung</b>			<b>163,44</b>	<b>163,44</b>	
<b>1</b>	<b>K10-K11</b>					
1.1	Đoạn Km10+100	m		11,30	11,30	Bờ hữu
<b>2</b>	<b>K16-K17</b>					
2.1	Đoạn Km16+100	m		7,00	7,00	Bờ tả
2.2	Đoạn Km16+150	m		20,00	20,00	Bờ hữu
2.3	Đoạn Km16+480	m		7,00	7,00	Bờ tả

TT	Danh mục	Đơn vị	Đã phê duyệt tại Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	Điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+); Giảm (-)	Ghi chú
2.4	Đoạn Km16+510	m		10,00	10,00	Bờ hữu
2.5	Đoạn Km16+530	m		10,00	10,00	Bờ hữu
2.6	Đoạn Km16+700	m		3,00	3,00	Bờ tả
2.7	Đoạn Km16+810	m		5,00	5,00	Bờ tả
<b>3</b>	<b>K17-K18</b>					
3.1	Đoạn Km17+850	m		11,00	11,00	Bờ hữu
<b>4</b>	<b>K18-K19</b>					
4.1	Đoạn Km18+850	m		10,20	10,20	Bờ hữu
<b>5</b>	<b>K20-K21</b>					
5.1	Đoạn Km21+00	m		10,18	10,18	Bờ tả
<b>6</b>	<b>K22-K23</b>					
6.1	Đoạn Km22+530,78	m		5,42	5,42	Bờ tả
6.2	Đoạn Km22+540	m		10,18	10,18	Bờ tả
6.3	Đoạn Km22+643,56	m		2,44	2,44	Bờ tả
6.4	Đoạn Km22+622	m		20,36	20,36	Bờ hữu
<b>7</b>	<b>K29-K30</b>					
7.1	Đoạn Km29+425	m		10,18	10,18	Bờ tả
<b>8</b>	<b>K32-K33</b>					
8.1	Đoạn Km32+500	m		10,18	10,18	Bờ tả
	<b>Cộng (I+II)</b>		<b>119,38</b>	<b>287,04</b>	<b>167,66</b>	
<b>III</b>	<b>Bê tông xi măng mặt bờ kênh chính B = 6m</b>		<b>2.911,00</b>	<b>2.852,87</b>	<b>-58,13</b>	
1	Điều chỉnh chiều dài	m	2.911,00	2.852,87	-58,13	

## 5.2. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Điều chỉnh khối lượng các nội dung công việc đã phê duyệt theo thực tế

thi công tại công trình.

- Bổ sung chiều dài khắc phục các điểm sạt lở mái kênh chính do các đợt mưa lớn trong tháng 11 năm 2019.

**6. Giá trị dự toán xây dựng hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung thẩm định:** 46.917.470.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, chín trăm mười bảy triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

*Dvt: 1.000 đồng*

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Giá trị</b>
1	Chi phí xây dựng	42.096.643
2	Chi phí quản lý dự án	784.712
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.238.385
4	Chi phí khác	401.613
5	Chi phí bảo hiểm công trình	216.117
6	An toàn và tham gia của cộng đồng	180.000
7	Chi phí dự phòng	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.917.470</b>

**7. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:**

*Dvt: 1.000 đồng*

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Kinh phí</b>				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>Vốn vay ADB</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Vốn đối ứng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
1	Chi phí xây dựng	42.096.643	42.096.643	100%		
2	Chi phí quản lý dự án	784.712			784.712	100%
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.238.385			3.238.385	100%
4	Chi phí khác	401.613			401.613	100%
5	Chi phí bảo hiểm công trình	216.117	216.117	100%		
6	An toàn và tham gia cộng đồng	180.000	163.800	91%	16.200	9%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.917.470</b>	<b>42.476.560</b>		<b>4.440.910</b>	

**8. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.

**9. Thời gian thi công hoàn thành công trình:** Đến ngày 30/6/2020.

**10. Phương thức thực hiện:** Theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB).

**11. Các nội dung khác:** Các nội dung trên điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 và Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán hạng mục bổ sung Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai đối với Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án thành phần Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong, dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoán vay bổ sung. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên không đổi.

**Điều 2.** Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 và Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Phù Cát, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Châu**